

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 11 năm 2018

ĐIỂM THI

**PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 37, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Trần Mai Anh	01	51	8.0	Tám	
2	Trình Văn Chiến	02	45	8.0	Tám	
3	Nguyễn Văn Chung	03	50	7.5	Bảy rưỡi	
4	Trần Văn Công	04	21	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lưu Mạnh Cường	05	32	7.0	Bảy	
6	Ma Văn Cường	06	17	8.0	Tám	
7	Trần Quang Cường	07	30	7.0	Bảy	
8	Bùi Văn Dân	08	24	7.5	Bảy rưỡi	
9	Lý Ba Duy	09	16	7.0	Bảy	
10	Trần Văn Duy	10	41	7.0	Bảy	
11	Hoàng Văn Đường	11	38	7.0	Bảy	
12	Đỗ Văn Giáp	12	02	7.5	Bảy rưỡi	
13	Lê Thị Hà	13	35	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Thu Hằng	14	36	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thị Hạnh	15	29	8.0	Tám	
16	Nguyễn Đức Hân	16	31	7.5	Bảy rưỡi	
17	Phạm Văn Huân	17	19	7.5	Bảy rưỡi	
18	Dương Văn Hệ	18	56	7.5	Bảy rưỡi	
19	Đỗ Duy Hiền	19	58	7.0	Bảy	
20	Đàm Trung Hiếu	20	28	7.0	Bảy	
21	Lý Trung Hiếu	21	04	6.5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Nông Văn Hiếu	22	22	8.0	Tám	
23	Đông Xuân Hoàng	23	40	6.5	Sáu rưỡi	
24	Nguyễn Anh Hoàng	24	18	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thu Hồng	25	44	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Hương	26	06	7.0	Bảy	
27	Dương Văn Huy	27	20	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Thanh Huyền	28	01	7.5	Bảy rưỡi	
29	Hoàng Thị Thu Huyền	29	12	7.5	Bảy rưỡi	
30	La Chấn Khôi	30	08	7.5	Bảy rưỡi	
31	Trần Đình Khương	-	-	-	-	Thôi học
32	Nguyễn Thị Yên Ly	31	03	8.0	Tám	
33	Lường Thị Minh	32	11	7.5	Bảy rưỡi	
34	Chu Quốc Nam	33	10	6.5	Sáu rưỡi	
35	Chu Thúy Nga	34	39	6.5	Sáu rưỡi	
36	Chu Thị Kim Ngân	35	26	7.5	Bảy rưỡi	
37	Nông Vĩnh Ngọc	36	37	7.0	Bảy	
38	Ma Thị Nguyệt	37	49	7.0	Bảy	
39	Trần Văn Phương	38	43	7.0	Bảy	
40	Nguyễn Khắc Quý	39	54	6.5	Sáu rưỡi	
41	Đàm Thị Sơn	40	27	7.0	Bảy	
42	Hoàng Thị Thanh Tâm	41	05	8.0	Tám	
43	Nguyễn Hữu Tế	42	52	7.0	Bảy	
44	Phạm Toàn Thắng	43	60	7.0	Bảy	
45	Hoàng Viêt Thảo	44	57	7.0	Bảy	
46	Trần Thị Thảo	-	-	-	-	Thôi học
47	Nguyễn Văn Thời	45	53	7.0	Bảy	
48	Nông Văn Thi	46	47	7.0	Bảy	
49	Hoàng Ngọc Thịnh	47	07	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Huyền Thu	48	55	7.0	Bảy	
51	Phan Thị Mai Thương	49	15	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Đào Thị Thúy	50	14	7.5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Ngọc Thủy	51	25	8.0	Tám	
54	Phan Văn Tú	52	42	8.0	Tám	
55	Phạm Văn Tuấn	53	59	7.0	Bảy	
56	Trần Thanh Tùng	54	46	7.5	Bảy rưỡi	
57	Đặng Văn Ty	55	09	8.0	Tám	
58	Nguyễn Như Văn	56	48	7.5	Bảy rưỡi	
59	Lý Văn Vệ	57	34	7.0	Bảy	
60	Nguyễn Thanh Viện	58	33	7.5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Hồng Xứng	59	13	8.0	Tám	
62	Tạ Thị Yến	60	23	8.0	Tám	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Phúc Ái

KHOA DÂN VẬN

Đàm Thị Hạnh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên